

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG ANH  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 30/9/2019  
V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH- THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thúy Hà***

***Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai***

***Bà Nguyễn Thị Thanh Hà***

***Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.***

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 220/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019.

**Nguyên đơn: Chị Trần Thị B**, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Viên N, xã Vân N, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Khu 5, xã Cấp D, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

**Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu C**, sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Viên N, xã Vân N, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội

Có mặt chị B, anh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2019 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh C năm 2018 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vân N, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh C tại thôn Viên N, xã Vân N, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng bốn, năm tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, anh C có vài lần tát chị B tay nhưng không gây thương tích. Đến ngày 07/4/2019 (tức ngày 03/3/2019 âm lịch) vợ chồng có cãi nhau, anh C và gia đình có đuổi chị ra khỏi nhà. Đến ngày 16/4/2019, bố đẻ chị có xuống đón chị về nhà bố mẹ đẻ tại Phú Thọ sinh sống từ đó cho đến nay. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hữu T, sinh ngày 01/01/2019. Hiện nay cháu T đang ở với anh C và mẹ đẻ anh C tại thôn Viên N, xã Vân N, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội. Sức khỏe của cháu bình thường, không ốm đau gì. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu T, yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hiện nay, chị B đang làm kinh tế đồi rừng với bố mẹ đẻ, thu nhập trung bình khoảng 4.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh chị có viết Biên bản giao nhận tài sản, trong đó có nội dung xác định anh C và gia đình trả lại toàn bộ tài sản cho chị gồm: 01 xe máy Honda Vision và giấy tờ xe; 600.000 đồng tiền mặt; 1 sổ tiết kiệm 10 triệu đồng đứng tên chị; 1 kiềng đeo cổ 5 chỉ; 01 đôi hoa tai 2 chỉ; 01 nhẫn 1 chỉ; 1 dây chuyền đeo cổ 3,5 chỉ và 01 lắc tay 1,5 chỉ. Chị B đã nhận đủ tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung nào khác. Anh chị tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết

### ***Bị đơn anh C trình bày:***

Anh C nhất trí như chị B trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc làm ăn kinh tế cũng như cách ứng xử của chị B đối với gia đình nhà chồng. Sau khi kết hôn anh mới biết được chị B có thị lực yếu, ảnh hưởng đến cuộc sống. Anh không có hành vi tát, đánh chị B như chị khai. Anh C xác định vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đồng ý ly hôn với chị B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung đúng như chị B đã khai. Sau khi chị B đi khỏi nhà, anh C trực tiếp nuôi cháu T. Ly hôn, anh C đề nghị được trực tiếp nuôi cháu T và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con Do chị B mất sữa nên cháu ăn sữa ngoài từ lúc sinh. Chị B từ lúc bỏ về nhà bố mẹ đẻ thì không quay lại thăm con nữa mặc dù anh vẫn tạo điều kiện để chị được thăm nom cháu. Khi C quyền địa phương

gồm: Phó chủ tịch xã, Hội phụ nữ, cán bộ tư pháp và cán bộ trạm y tế xã xuống hòa giải thì anh cũng đề nghị ghi rõ trong biên bản rằng sẽ tạo điều kiện để chị B được thăm nom và chăm sóc con. Hiện nay, anh C đang làm công nhân Công ty TNHH phụ tùng xe máy– ô tô S Việt Nam, thu nhập bình quân khoảng gần 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Ngày 03/3/2019 âm lịch (tức 07/4/2019 dương lịch), vợ chồng anh chị có viết Biên bản giao nhận tài sản có sự chứng kiến của anh Nguyễn Tôn C, sinh năm 1980 (anh rể của anh và là người giới thiệu chị B với anh, địa chỉ: thôn Viên N, xã Vân N, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội). Nội dung Biên bản giao nhận tài sản bao gồm việc anh và gia đình trả lại tài sản cho chị B. Cùng ngày, anh C đã giao tận tay cho chị B toàn bộ số tài sản như đã liệt kê trong biên bản giao nhận tài sản. Anh xác định vợ chồng đã chia xong tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra cũng tại biên bản giao nhận tài sản, vợ chồng thống nhất để anh C nuôi con chung là cháu Nguyễn Hữu T. Biên bản này được làm hai bản, mỗi người giữ một bản.

***Tại phiên toà hôm nay:***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh C vì xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm. Bị đơn anh C đồng ý ly hôn với chị B.

Về con chung: Chị B, anh C đều yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Hữu T, sinh ngày 01/01/2019. Chị B khẳng định chị có đủ điều kiện nuôi con chung và không bị hạn chế bất kì vấn đề nào. Anh C xác định do hiện tại cháu T đang ở cùng anh và anh có điều kiện tốt hơn để nuôi cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B, anh C đều không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên còn để vụ án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử 03 ngày. Tại phiên tòa, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án tuyên:

- + Ghi nhận sự thỏa thuận của chị B và anh C về việc thuận tình ly hôn.
- + Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu T cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng.
- + Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét.
- + Về tài sản chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét.
- + Về án phí: Vụ án áp dụng án phí không có giá ngạch theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Chị B yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh C có nơi cư trú tại địa huyện Đông A, như vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đông A theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị B, anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vân N, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, cả chị B và anh C đều khẳng định vợ chồng có mâu thuẫn, không thể hàn gắn tình cảm và thống nhất ly hôn. Tại phiên tòa, chị B, anh C đều thống nhất thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận ly hôn của anh chị là tự nguyện, hợp pháp nên được ghi nhận.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hữu T, sinh ngày 01/01/2019. Hiện nay cháu T đang ở với anh C. Chị B và anh C đều có nguyện vọng nuôi con chung. Đó là nguyện vọng C đáng. Xét thấy, cả chị B, anh C đều có điều kiện tốt để nuôi con chung cụ thể: Anh chị đều có thu nhập, có gia đình hỗ trợ chăm sóc con, có nơi ăn ở ổn định và đều hết lòng thương yêu con chung. Chị B và anh C đều không bị hạn chế quyền nuôi con. Tuy nhiên, khi xét giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét đến quy định của pháp luật. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu T mới được 09 tháng tuổi. Theo Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ T hợp người mẹ không

đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Như vậy, cần giao cháu T cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp pháp luật.

Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị B, anh C thống nhất tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

[3] **Về án phí:** Nguyên đơn chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch.

[4] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 203, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị B và anh Nguyễn Hữu C.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 01/01/2019 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh C có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B, anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị B, anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị B đã nộp theo Biên lai thu tiền số

AA/2017/0008475 ngày 09/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh  
Xác nhận chị B đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị B, anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND quận huyện Đông Anh;
- Ủy ban nhân dân xã Vân N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Triệu Thúy Hà**

Héi ®ảng xĐt xö s¬ thỀm

Hội thẩm nhân dân

ThỀm ph,n - Chñ tãa phiªn tBa